

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 9522 /BKHT-QLQH
V/v lấy ý kiến dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày
07 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều
của Luật Quy hoạch

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



Ngày 26/08/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; trong đó có giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định sửa đổi) theo trình tự, thủ tục rút gọn, bảo đảm quy định chi tiết các nội dung đã được giao tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, soạn thảo dự thảo Nghị định sửa đổi và xin ý kiến tham gia của Quý cơ quan (*xin gửi kèm dự thảo Nghị định sửa đổi*). Ý kiến tham gia bằng văn bản của Quý cơ quan xin đề nghị gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 20 tháng 01 năm 2023**, đồng thời xin gửi bản mềm về địa chỉ email: quynhanh98.mpi@gmail.com để tổng hợp, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi theo quy định. (*Mọi chi tiết xin liên hệ về Vụ Quản lý quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, qua chuyên viên Nguyễn Thị Quỳnh Anh, điện thoại: 080.44140 hoặc 0904049885*).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm CNTT&CDS (để đăng website);
- Các đơn vị trong Bộ: PC; KT&P< QLKKT; KTCNDV; KTN; PHT&ĐT; L&VHXH; KH&GDTN&MT; GST&ĐT; QPAN; VCLPT (để tham gia ý kiến);
- Lưu: VT, QLQH N03

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP
ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Quy hoạch**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc
hội khóa XV về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp
luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến
độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;*

*Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh luật có
liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Quy hoạch.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP
ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Quy hoạch như sau:**

1. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

“Điều 3a. Nguyên tắc tiếp nhận hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động quy hoạch

1. Việc huy động các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động quy hoạch phải bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, đấu thầu, đầu tư công, đầu tư và pháp luật có liên quan khác.

2. Việc triển khai lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hỗ trợ nguồn lực được thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch, các luật và pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và pháp luật khác có liên quan.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục tiếp nhận, thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài để triển khai hoạt động quy hoạch theo quy định của pháp luật.”.

2. Bổ sung Điều 7a, Điều 7b, Điều 7c và Điều 7d vào trước Điều 8 như sau:

“Điều 7a. Quy trình lập quy hoạch tổng thể quốc gia

Việc phối hợp giữa các cơ quan tham gia lập quy hoạch tổng thể quốc gia theo quy định tại điểm b, c và e khoản 1 Điều 16 Luật Quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu tư vấn để lập quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch (bao gồm lập hợp phần quy hoạch), tư vấn đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu để triển khai lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch được Chính phủ phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu, nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở xây dựng quy hoạch, xây dựng sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan đề xuất tổ chức tư vấn có đủ năng lực gửi Cơ quan lập quy hoạch xem xét, quyết định lựa chọn để xây dựng nội dung hoặc hợp phần quy hoạch đã được Chính phủ phân công; cho ý kiến thẩm định bằng văn bản đối với nội dung hoặc hợp phần quy hoạch theo nhiệm vụ được Chính phủ phân công do tổ chức tư vấn lập trước khi gửi Cơ quan lập quy hoạch.

c) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và hoàn thiện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch để lấy ý kiến. Việc lấy ý kiến về quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 29 Nghị định này.

Điều 7b. Quy trình lập quy hoạch ngành quốc gia

Việc phối hợp giữa các cơ quan tham gia lập quy hoạch ngành quốc gia theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Luật Quy hoạch được thực hiện như sau:

Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn lập đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch; xây dựng quy hoạch, đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch và lấy ý kiến. Việc lấy ý kiến quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 30 Nghị định này.

Điều 7c. Quy trình lập quy hoạch vùng

Việc phối hợp giữa các cơ quan tham gia lập quy hoạch vùng theo quy định tại điểm b, c và e khoản 3 Điều 16 Luật Quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu tư vấn để lập quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch (bao gồm lập hợp phần quy hoạch), tư vấn đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu để triển khai lập quy hoạch theo nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu, nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở xây dựng quy hoạch, xây dựng sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan đề xuất tổ chức tư vấn có đủ năng lực gửi Cơ quan lập quy hoạch xem xét, quyết định lựa chọn để xây dựng nội dung hoặc hợp phần quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phân công; cho ý kiến thẩm định bằng văn bản đối với nội dung hoặc hợp phần quy hoạch theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phân công do tổ chức tư vấn lập trước khi gửi Cơ quan lập quy hoạch.

c) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và hoàn thiện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch để lấy ý kiến. Việc lấy ý kiến về quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 31 Nghị định này.

Điều 7d. Quy trình lập quy hoạch tỉnh

1. Việc phối hợp giữa các cơ quan tham gia lập quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm b, e và i khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn quy hoạch, tư vấn đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu, nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở xây dựng quy hoạch, xây dựng sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

b) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và hoàn thiện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch để lấy ý kiến. Việc lấy ý kiến về quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 32 Nghị định này.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ hồ sơ quy hoạch theo quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch.

2. Văn phòng Chính phủ gửi hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch tỉnh tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ tiến hành rà soát tổng thể hồ sơ quy hoạch và dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh và có văn bản tổng hợp ý kiến rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt quy hoạch.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 7, khoản 8, khoản 10 và khoản 13 Điều 28 như sau:

“4. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh

a) Xác định ngành quan trọng và mục tiêu phát triển ngành quan trọng của tỉnh.

b) Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh.

- c) Giải pháp phát triển ngành quan trọng của tỉnh.
- d) Phương hướng phát triển các ngành khác.”.

“7. Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện

- a) Định hướng sử dụng đất của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.
- b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất, bao gồm diện tích các loại đất được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia trên địa bàn tỉnh; diện tích các loại đất do cấp tỉnh xác định.
- c) Xác định diện tích các loại đất theo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.
- d) Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.
- e) Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

- g) Lập bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của tỉnh.”.

“8. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện

- a) Xác định phạm vi;
- b) Định hướng phát triển trọng tâm của từng vùng liên huyện, vùng huyện.”.

“10. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh

- a) Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh.
- b) Khoanh định khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần nghiên cứu thăm dò, khai thác.”.

“13. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện

- a) Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.
- b) Lập danh mục dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án.”.

4. Bổ sung Điều 33a vào trước Điều 33 như sau:

“Điều 33a. Nhiệm vụ và hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Hội đồng thẩm định quy hoạch được thành lập theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Luật Quy hoạch. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản đối với hồ sơ quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch; cử đại diện tham dự và có ý kiến tại phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch theo giấy mời của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Hội đồng thẩm định quy hoạch tổ chức thẩm định đồng thời quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch (đối với quy hoạch phải đánh giá môi trường chiến lược) theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Nội dung thẩm định quy hoạch theo quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch.

4. Nội dung thẩm định đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch, bao gồm:

a) Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá môi trường chiến lược và phương pháp khác được sử dụng để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

b) Sự phù hợp về phạm vi đánh giá môi trường chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.

c) Sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường.

d) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng các vấn đề môi trường chính.

đ) Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch.

e) Sự phù hợp, tính khả thi của các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

g) Nội dung tham vấn và việc tiếp thu kết quả tham vấn để hoàn thiện đánh giá môi trường chiến lược.

5. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch. Hoạt động thẩm định quy hoạch được thực hiện kể từ khi tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cho đến khi Hội đồng thẩm định quy hoạch ban hành Báo cáo thẩm định hồ sơ quy hoạch. Hội đồng thẩm định quy hoạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ thẩm định quy hoạch.

6. Chi phí cho hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch được xác định trong dự toán lập quy hoạch (nhiệm vụ quy hoạch) được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về đầu tư công. Các khoản chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch bao gồm: Thù lao nghiên cứu tham gia thẩm định nội dung quy hoạch và đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch của Thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch và chuyên gia phản biện; chi phí khảo sát thực địa (nếu có); chi phí in ấn tài liệu, văn phòng phẩm và các chi phí khác phục vụ phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch thực hiện chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch và thanh toán, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch và các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch:

a) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch; chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch; xem xét, phê duyệt kế hoạch thẩm định quy hoạch; tổ chức, điều hành, kết luận các cuộc họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch có thể ủy quyền Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch thực hiện các nội dung công việc thuộc quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch.

b) Phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch và các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch.

c) Quyết định mời các chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch với tư cách là Ủy viên phản biện; mời các chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm về lĩnh vực bảo vệ môi trường tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch với tư cách là Ủy viên phản biện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch (đối với quy hoạch phải đánh giá môi trường chiến lược); quyết định lựa chọn tư vấn phản biện độc lập để phản biện nội dung quy hoạch trong trường hợp cần thiết.

d) Phê duyệt báo cáo thẩm định hồ sơ quy hoạch.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch theo dõi, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định quy hoạch theo nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phân công.

b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch chủ trì, điều hành và kết luận tại các phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch khi Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch ủy quyền.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch:

a) Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch khi được triệu tập; tham gia góp ý và biểu quyết bằng Phiếu đánh giá tại phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

b) Nghiên cứu, báo cáo Thủ trưởng cơ quan nơi thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch công tác ban hành ý kiến thẩm định bằng văn bản đối với hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị, tham gia ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch về lĩnh vực chuyên môn và các vấn đề chung; nghiên cứu, tham gia ý kiến góp ý bằng văn bản với dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ quy hoạch.

c) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch, Thủ trưởng cơ quan nơi thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch công tác và trước pháp luật về những ý kiến tham gia thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch theo chức năng quản lý.

d) Được yêu cầu Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch cung cấp hồ sơ trình thẩm định quy hoạch và các tài liệu có liên quan để tham gia ý kiến thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch.

đ) Được quyền bảo lưu ý kiến tham gia với hồ sơ quy hoạch.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phân công.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Trách nhiệm và quyền hạn của Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định quy hoạch do Cơ quan lập quy hoạch gửi tới Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Xây dựng kế hoạch thẩm định, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch phê duyệt; gửi hồ sơ trình thẩm định quy hoạch và các tài liệu khác có liên

quan kèm theo văn bản đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ có thành viên tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch và các Ủy viên phản biện để tham gia ý kiến thẩm định.

3. Tham mưu trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xem xét, quyết định mời các chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm về lĩnh vực quy hoạch, lĩnh vực bảo vệ môi trường (nếu có) tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch với tư cách là Ủy viên phản biện. Tham mưu trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xem xét, quyết định mời một số tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch (nếu cần thiết).

4. Tham mưu trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xem xét, quyết định lựa chọn tư vấn phản biện độc lập theo quy định tại Điều 36 Nghị định này để phản biện nội dung quy hoạch trong trường hợp cần thiết.

5. Đơn đốc các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch, Ủy viên phản biện, tư vấn phản biện độc lập (nếu có) gửi văn bản tham gia ý kiến thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch theo đúng thời hạn yêu cầu.

6. Trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch cho phép chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và chuyên gia phản biện quy hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo tham vấn góp ý kiến đối với hồ sơ quy hoạch (nếu cần thiết); tổng hợp kết quả hội nghị, hội thảo, báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xem xét trước khi tiến hành phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch, đồng thời gửi báo cáo kết quả tại phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch.

7. Tham mưu trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan tham gia đối với nội dung quy hoạch theo quy định tại Điều 19 Luật Quy hoạch (nếu cần thiết).

8. Tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan (nếu có) đối với hồ sơ quy hoạch, báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xem xét trước khi tiến hành phiên họp thẩm định.

9. Trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xem xét, quyết định về thời gian họp Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định hồ sơ quy hoạch; tham mưu ban hành giấy mời họp Hội đồng thẩm định quy hoạch và chuẩn bị các điều kiện để Hội đồng thẩm định quy hoạch tiến hành phiên họp thẩm định theo quy định; ghi biên bản phiên họp của Hội đồng thẩm định quy hoạch; cung cấp phiếu đánh giá cho các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch và Ủy viên phản biện.

10. Dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ quy hoạch; gửi dự thảo Báo cáo thẩm định hồ sơ quy hoạch xin ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định

quy hoạch và Ủy viên phản biện; hoàn thiện Báo cáo thẩm định hồ sơ quy hoạch, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xem xét, phê duyệt.

11. Trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch xem xét, quyết định việc thẩm định lại hồ sơ quy hoạch trong trường hợp Hội đồng thẩm định quy hoạch không nhất trí thông qua tại phiên họp thẩm định lần thứ nhất.

12. Sử dụng bộ máy, phương tiện và con dấu của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ được giao.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 Điều 35 như sau:

“1. Hội đồng thẩm định quy hoạch phải có ít nhất 03 thành viên là Ủy viên phản biện quy hoạch và có ít nhất 02 thành viên là Ủy viên phản biện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

2. Ủy viên phản biện trong Hội đồng thẩm định quy hoạch phải có ít nhất 15 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn quy hoạch, tư vấn đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch hoặc quản lý nhà nước về quy hoạch đối với người có bằng đại học chuyên ngành liên quan đến quy hoạch, quản lý nhà nước về đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch đối với người có bằng đại học chuyên ngành liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch; ít nhất 08 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn quy hoạch, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch hoặc quản lý nhà nước về quy hoạch đối với người có bằng thạc sỹ trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến quy hoạch, quản lý nhà nước về đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch đối với người có bằng thạc sỹ trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và 4 Điều 37 như sau:

“3. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch lựa chọn tư vấn phản biện độc lập để phản biện một hoặc một số nội dung của quy hoạch, phản biện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu phản biện quy hoạch, phản biện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch, tư vấn phản biện độc lập phải gửi ý kiến bằng văn bản tới Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch để tổng hợp.

4. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan về nội dung quy hoạch, đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch bằng hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm theo chuyên đề và tổng hợp ý kiến báo cáo Hội đồng thẩm định quy hoạch.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Hợp Hội đồng thẩm định quy hoạch

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đủ ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch là Ủy viên phản biện và ý kiến của tư vấn phản biện độc lập (nếu có), Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch tổng hợp ý kiến gửi các thành viên của Hội đồng thẩm định quy hoạch và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch về việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định quy hoạch.

2. Phiên họp thẩm định hồ sơ quy hoạch được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch, hai phần ba (2/3) số Ủy viên phản biện, đại diện Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch dự họp; có mặt đại diện Cơ quan lập quy hoạch và đại diện tổ chức tư vấn lập quy hoạch.

3. Cơ chế ra quyết định của Hội đồng thẩm định quy hoạch:

a) Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận công khai, biểu quyết theo đa số để thông qua hồ sơ quy hoạch và biên bản họp thẩm định hồ sơ quy hoạch.

b) Hồ sơ quy hoạch đủ điều kiện trình quyết định hoặc phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua nhưng phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch.”.

10. Bổ sung Điều 38a vào sau Điều 38 như sau:

“Điều 38a. Sơ đồ, bản đồ kèm văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch

1. Sơ đồ, bản đồ ban hành kèm theo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia do Quốc hội quyết định.

2. Sơ đồ, bản đồ quy hoạch ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh bao gồm các sơ đồ, bản đồ chính được quy định tại các mục IV.A.1, IV.B.2, IV.B.3, V.A.3, V.A.5, V.B.1, V.C.1-3, V.D.2, V.D.4, V.E.2, V.G.2, VI.5, VII.6, VIII.A.1, VIII.B.2-9, IX.A.1, IX.B.3-11 của Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết nội dung sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nội dung bản đồ quy hoạch không gian biển quốc gia, bản đồ quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

Các Bộ quy định chi tiết nội dung bản đồ quy hoạch ngành quốc gia thuộc phạm vi quản lý.”.

11. Bổ sung Chương VI.a vào sau Chương V như sau:

“Chương VI.a. Kế hoạch thực hiện quy hoạch

Điều 45a. Trình tự lập và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch

1. Quy trình lập kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch, đề xuất phân kỳ đầu tư các dự án quan trọng quốc gia theo giai đoạn 5 năm và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này; gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan.

b) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch trình Chính phủ ban hành đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành đối với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng.

2. Quy trình lập kế hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Quy trình lập kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch, đề xuất phân kỳ đầu tư các dự án ưu tiên đầu tư theo giai đoạn 5 năm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này; gửi lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch, đồng thời gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ để rà soát.

d) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát nội dung dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch thuộc phạm vi quản lý và gửi văn bản tham gia ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

Điều 45b. Căn cứ lập kế hoạch thực hiện quy hoạch

Căn cứ lập kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm:

1. Quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.
2. Kế hoạch, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch cấp cao hơn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 45c. Nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch

1. Kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch.

2. Kế hoạch thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng bao gồm các nội dung được quy định tại điểm a, b và d khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch.

3. Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch. Nội dung kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.”.

12. Sửa đổi điểm 7 mục B, Phần IX, Phụ lục I như sau:

“7) Bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các quy hoạch đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không cần lập, thẩm định và phê duyệt lại theo quy định của Nghị định này.

2. Các quy hoạch chưa được phê duyệt nhưng thuộc một trong các trường hợp sau thì không cần phải lập quy hoạch lại, không tổ chức thẩm định lại theo quy định của Nghị định này và việc phê duyệt quy hoạch sẽ được thực hiện theo quy định của Nghị định này:

a) Đã được thẩm định xong trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được phê duyệt.

b) Đang trong quá trình tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

c) Đã tổ chức phiên họp thẩm định nhưng chưa ban hành báo cáo thẩm định.

3. Các quy hoạch đã được trình thẩm định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành nhưng chưa tổ chức họp thẩm định thì không cần lập quy hoạch lại lại theo quy định của Nghị định này. Việc tổ chức thẩm định và phê duyệt sẽ được thực hiện theo quy định của Nghị định này.

4. Các kế hoạch thực hiện quy hoạch đã được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì không cần điều chỉnh lại theo quy định của Nghị định này.

5. Việc tiếp nhận hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động quy hoạch được thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Văn Thành

PHỤ LỤC IV
Biểu phân kỳ đầu tư tại kế hoạch thực hiện quy hoạch
(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ)

PHÂN KỲ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chương trình, dự án	Phân kỳ thực hiện	
		... - (1) <i>(Ví dụ: 2030-2035)</i>	... - (1) <i>(Ví dụ: 2035-2040)</i>
	TỔNG SỐ		
1			
2			

Ghi chú:

(1) – Giai đoạn thực hiện 05 năm

(2) – Vốn đầu tư công bao gồm cả ODA và PPP; vốn khác ngoài vốn đầu tư công